TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2025/KDTM-ST
Ngày: 13-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Trà
2. Bà Phạm Thị Trịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2024 về: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2025/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2025/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH V (Long An); Trụ sở: KCN T, tỉnh lộ 830, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh Đ; Địa chỉ: KCN T, tỉnh lộ 830, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An. (Theo Giấy ủy quyền số ngày 06/08/2024).

Bị đơn: Công ty TNHH H1; Trụ sở: A T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H, sinh ngày 03/02/1974; CCCD: 022074003755; ngày cấp: 16/12/2004; Địa chỉ: A T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH V (Long An) *do ông Huỳnh Minh Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngày 21/12/2023, Công ty TNHH V) (còn gọi là nguyên đơn) và Công ty TNHH H1 (gọi là bị đơn) khợp đồng mua bán cọc số: 0107230078/KHLA/2023 về việc nguyên đơn sẽ cung cấp cọc bê tông ly tâm PHC A300, dự kiến số lượng là 2.800m cọc tương ứng với giá trị hợp đồng là 598.752.000

đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Điều kiện giao hàng là thanh toán trước 100% giá trị hàng hóa sau thuế trước 1 ngày giao hàng. Tuy nhiên, vì cần hàng hóa gấp để thi công và chưa kịp thanh toán nên bị đơn yêu cầu giao hàng và cam kết sẽ thanh toán cho nguyên đơn trong ngày. Thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện giao nhận khối lượng cọc là 1.209m, tổng giá trị hàng hóa là 265.109.760 đồng, nguyên đơn đã xuất hóa đơn VAT cho đợt giao hàng này, bị đơn đã thanh toán 213.186.560 đồng, còn nợ lại 51.923.200 đồng.

Ngày 18/3/2024, hai bên tiến hành kí biên bản quyết toán hợp đồng, theo đó xác nhận bị đơn còn phải thanh toán tiền hàng là 51.923.200 đồng

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, gặp trực tiếp về kế hoạch trả nợ nhưng bị đơn không có thiện chí giải quyết.

Nhận thấy hành vi không thanh toán công nợ quá hạn của bị đơn đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên khởi kiện đề nghị Tòa xem xét giải quyết yêu cầu sau:

- Yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần tiền gốc là 51.923.200 đồng.

- Nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với khoản tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền gốc còn thiếu.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Do bị đơn vắng mặt và phía nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 51.923.200 đồng là có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi là tự nguyện không trái pháp luật nên đề nghị đình chỉ yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa" phát sinh trong hoạt động thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là pháp nhân có địa chỉ trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án

nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

- Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung đối với các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền mua bán hóa còn thiếu là 51.923.200 đồng một lần ngày khi án có hiệu lực pháp luật, thấy:

Bị đơn đã được Tòa thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không cung cấp lời khai, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình trong việc xác nhận hay phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là cơ sở để Tòa án xem xét.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tại hợp đồng hai bên đã ký, nguyên đơn bán cho bị đơn cọc BTLT PHC A300 với tổng giá trị đơn hàng sau thuế VAT là 265.109.760 đồng. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn VAT số 128, kí hiệu 1C24TKH ngày 18/3/2024 với số tiền trên. Bị đơn đã thanh toán 213.186.560 đồng. Ngày 18/3/2024, nguyên đơn và bị đơn ký biên bản quyết toán hợp đồng với nội dung thể hiện:

"... Căn cứ vào bảng tổng hợp giá trị quyết toán: 265.109.760 đồng

- Toàn bộ số tiền bên A đã chuyển cho bên B: 213.186.560 đồng

- Bên A cần phải thanh toán cho bên B: 51.923.200 đồng"

Như vậy, việc bị đơn không thanh toán giá trị còn lại của đơn hàng là 51.923.200 đồng cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 50 Luật Thương mại. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Về việc nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán, thấy: Do nguyên đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ, không xem xét.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 24, 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH V (Long An).

1.1/ Buộc Công ty TNHH H1 có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 51.923.200 đồng (Năm mươi mốt triệu chín trăm hai mươi ba ngàn hai trăm đồng) cho Công ty TNHH V (Long An) để chấm dứt quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 0107230078/KHLA/2023 ngày 21/12/2023 mà hai bên đã ký.

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V (Long An) về việc buộc Công ty TNHH H1 trả số tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền còn thiếu do nguyên đơn rút yêu cầu.

1.3/ Kể từ ngày Công ty TNHH V (Long An) có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH H1 chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH H1 phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH H1 phải chịu án phí 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Công ty TNHH V (Long An) được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002326 ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo